



## MỐI QUAN HỆ TRONG TƯ TƯỞNG GIÁO LÝ CỦA CÁC TÔN GIÁO TỪ BỬU SƠN KỲ HƯƠNG, TỬ ÂN HIẾU NGHĨA ĐẾN PHẬT GIÁO HÒA HẢO Ở AN GIANG

Nguyễn Phước Tài<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Khoa Giáo dục Chính trị-Công tác Xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 04/09/2013

Ngày chấp nhận: 25/12/2013

### Title:

*Relationships of doctrine of religions Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia and Hoa Hao buddhism in An Giang*

### Từ khóa:

*Mối quan hệ về mặt giáo lý, Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Đạo Tử Ân Hiếu Nghĩa, Phật giáo Hòa Hảo, Tỉnh An Giang*

### Keywords:

*Relationships of doctrine, Buu Son Ky Huong Religion, Tu An Hieu Nghia Religion, Hoa Hao Buddhism, An Giang province*

### ABSTRACT

*The process of formation and development of religions from the Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia to Hoa Hao Buddhism in An Giang Province has made significant contributions to the reclamation process, farm establishments, and leadership towards war resistance against French colonialists. Those tasks attracted a large number of followers, An Giang people, who actively joined and voluntarily operated. In this article, we will analyze and set up a few significant relationships of the three above religions - it is considered the important point to make a success towards the religions: Buu Son Ky Huong, Tu An Hieu Nghia and Hoa Hao Buddhism in An Giang Province.*

### TÓM TẮT

*Trong quá trình hình thành và phát triển, các tôn giáo từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tử Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở An Giang đã có những đóng góp rất đáng kể trong quá trình khai hoang, lập trại ruộng, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Những việc làm ấy đã được đông đảo tín đồ, người dân An Giang tiếp nhận và thực hiện một cách tự nguyện. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi sẽ phân tích và nêu lên một vài ý nghĩa về mối quan hệ trong tư tưởng giáo lý của ba tôn giáo trên – đây được xem là điểm nhấn quan trọng tạo nên sự thành công của ba tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tử Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo ở An Giang.*

### 1 SƠ LƯỢC VỀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC TÔN GIÁO TỪ BỬU SƠN KỲ HƯƠNG, TỬ ÂN HIẾU NGHĨA VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO Ở AN GIANG

An Giang là một tỉnh miền Tây Nam Bộ nằm ở phía Nam của Tổ quốc, đã được mở mang, khai phá muộn màng nhất. Trong quá khứ cũng như hiện tại, tỉnh An Giang là nơi cư trú của nhiều dân tộc: Việt, Hoa, Chăm, Khmer... và là nơi có nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Hồi giáo...

Vào năm 1849, ở An Giang xuất hiện một vị “Phật sống” giảng thuyết cứu đời trong bối cảnh lâm than, bế tắc, bệnh dịch hoành hành. Hàng ngàn người đến thọ giáo Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, do vị “Phật sống” có tên là Đoàn Văn Huyền (1807 – 1856, hay còn gọi là Đoàn Minh Huyền) sáng lập. Ông vừa chữa bệnh cho nhân dân vừa khuyên mọi người tu niệm. Có người cho rằng, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là một tông phái của Phật giáo hay Phật giáo cách tân. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương đã chọn lọc những tinh hoa của Đạo Phật với những ngôn từ

phù hợp với trình độ của người nông dân vùng Tây Nam Bộ [13].

Sau khi Đoàn Văn Huyền viên tịch năm 1856, các đệ tử của ông tiếp tục truyền đạo, khai hoang mở đất và xây dựng căn cứ võ trang chống Pháp. Người ta tin không phải ông đã mất mà chỉ trở về với cõi Phật, sẽ có ngày ông trở lại. Bản thân ông khi còn sống hay nói về điều ấy:

*Chừng nào gốc mọc lên chồi,  
Ta vung sắc lệnh tái hồi trần gian.* [8, 67]

Niềm tin ấy đã trở thành điều kiện và động lực thúc đẩy sự xuất hiện của những tôn giáo “*hậu thân*” khác của ông được tiếp nối qua các vị Tô sư và các đại đệ tử. Cụ thể là sự xuất hiện của Đức Phật Trùm, Ngô Lợi, Sư Vãi Bán Khoai, Huỳnh Phú Sổ...

Sự xuất hiện một đạo mới với tên gọi là Tứ Ân Hiếu Nghĩa, do ông Ngô Lợi (1831 – 1890) sáng lập. Sự ra đời và phát triển của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa cuối thế kỷ XIX có ý nghĩa xã hội đặc biệt. Nó đã tạo ra khả năng tập hợp những người nông dân mất ruộng, nghĩa quân thất trận trong các phong trào chống Pháp hồi cuối thế kỷ XIX, gây ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa, tinh thần, tâm linh của một bộ phận nông dân và tạo tiền đề cho sự phát triển của tôn giáo này ở một số địa phương theo hình thức: khai hoang lập làng gắn với truyền đạo...

Vào năm 1939, Phật giáo Hòa Hảo hay còn gọi là đạo Hòa Hảo ra đời do ông Huỳnh Phú Sổ (1920 – 1947) làm giáo chủ. Phật giáo Hòa Hảo ra đời thực hiện hai công việc chính là thuyết pháp và trị bệnh. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng hoàn cảnh ra đời của Phật giáo Hòa Hảo cũng giống như hai tôn giáo trước đây (Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa) đó là trị bệnh, khuyên người đời tu niệm, tìm lối thoát, hướng đi mới cho những người nông dân nghèo, bị bóc lột, bị đàn áp bởi triều đình nhà Nguyễn và thực dân Pháp đô hộ. Theo ông Huỳnh Phú Sổ nếu người dân thực hiện được những điều như thế thì họ sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Có thể nói, từ giữa thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX việc ra đời các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo đã góp phần tạo nên sự phong phú đa dạng trong nét văn hóa tín ngưỡng của người Nam bộ nói chung và người dân tỉnh An Giang nói riêng. Đồng thời, việc ra đời ba tôn giáo này gắn liền với quá trình khẩn hoang, lập làng, kêu gọi tín đồ tham gia vào các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở một số địa phương

như các đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo hình thành và phát triển.

## 2 MỐI QUAN HỆ TRONG TƯ TƯỞNG GIÁO LÝ CỦA CÁC TÔN GIÁO TỬ BỬU SON KỶ HƯƠNG, TỨ AN HIẾU NGHĨA ĐẾN PHẬT GIÁO HÒA HẢO Ở AN GIANG

Hoàn cảnh ra đời tư tưởng giáo lý của ba tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo đều rơi vào đời Hạ Ngun [10, 42]. Theo quan điểm của ba tôn giáo này cho rằng, đây là thời kỳ khó khăn nhất của loài người. Xã hội rất phát triển về phương diện vật chất nhưng bản tính và đạo đức của con người thì bị tha hóa đi, con người không theo Phật pháp, hiểu sai lý tưởng mà Phật pháp truyền dạy. Do đó, sự ra đời của các tôn giáo nhằm giúp con người hiểu đúng Phật pháp, diu dắt họ sống đúng bổn phận và trách nhiệm của mình trong gia đình, xã hội, phù hợp với luân thường đạo lý có Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín.

Quan điểm của Khổng Tử về Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín:

*Nhân* có nghĩa là yêu người. Ngoài ra, *nhân* còn có nghĩa là trung và thứ, trung thứ tức là mình suy ra lòng người, phải giúp người. Qua đây chúng ta thấy, *Nhân* chính là đạo làm người, vừa thương người (ái nhân), vừa giúp người (cứu nhân).

*Lễ* là các quy định về đạo đức, trong ứng xử giữa người với người trong gia đình và ngoài xã hội (vua – tôi; chồng – vợ; cha – con; anh – em; bạn bè).

*Nghĩa* chính là nghĩa vụ, thấy việc đúng cần phải làm để giúp người. Khổng Tử cho rằng người quân tử cần chú ý đến nghĩa và coi thường lợi.

*Trí* là trí tuệ, tâm trí. Con người có trí (minh mẫn, sáng suốt) mới biết cách làm cho mình, giúp người mà không làm hại đến người khác.

*Tín* là lời nói và việc làm phải thống nhất với nhau, là lòng tin của con người với nhau

Giáo lý của ba tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo không cao siêu như Phật giáo mà trái lại, nó rất phù hợp với hoàn cảnh và trình độ nhận thức của người dân lúc bấy giờ. Chủ trương pháp môn tu hành của ba tôn giáo này là “*học Phật tu nhân*”, đây được xem là sự đơn giản hóa từ cách hành pháp của Phật giáo trước đây.

**Về học Phật:** Tức là học những điều Phật dạy và làm những điều Phật đã làm. Có nghĩa là, các tín

đồ phải tu luyện theo phép tu của Phật để đạt được một đức tính, một tiêu chuẩn cao hơn trên con đường tu hành của mình. Khi đó, con người đạt được tất cả các tiêu chuẩn cần thiết để tham dự hội Long Hoa [11, 162].

Mục đích của việc học Phật là giúp tín đồ sáng suốt trên con đường hành đạo, hướng con người đạt đến toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ, giảm được tội nghiệp, được cứu độ và giải thoát.

Để học Phật, ông Đoàn Minh Huyền khuyên tín đồ trong lúc tu hành phải thành tâm trì niệm danh hiệu Phật A Di Đà “Nam Mô A Di Đà Phật”. Cách thức trì niệm này được hai tôn giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo vận dụng trong các quyển kinh giảng của mình để các tín đồ tu hành theo. Ngoài ra, ông Đoàn Minh Huyền còn đặt ra “ngũ đại giới cấm” làm giới luật của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, bao gồm: cấm sát sinh, hại người hại vật; cấm tham lam, trộm cắp, hưởng thụ của phi nghĩa, không làm mà hưởng; cấm tà dâm, trụy lạc; cấm rượu chè, hút chích, ma túy, cờ bạc, điếm đàn, mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán; cấm gian dối, vọng ngữ, chàm chọc, chia rẽ... tuy nhiên đến nay, giáo luật này đã có sự phát triển bổ sung cho phù hợp với quan niệm về thuần phong mỹ tục từng vùng [20].

Điều kiện để các tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa được học Phật, trước hết cần phải thực hiện *Thập nhị lệ sự* (12 điều tuân) do Ngô Lợi đặt ra và truyền dạy. Đó là: *Kinh Thiên địa* (cúng kiếng trời đất); *Lễ thân mình* (cúng lễ các vị thần); *Phụng tổ tiên* (thờ phượng ông bà đã khuất); *Hiếu song thân* (sống hiếu thảo với cha mẹ); *Thủ vương pháp* (giữ gìn phép nước); *Trọng sư trưởng* (kính trọng ơn thầy); *Ái huynh đệ* (yêu mến anh em); *Tín bằng hữu* (giữ chữ tín với bạn bè); *Lục tôn tộc* (ghi chép, làm rõ các tôn phái trong dòng họ); *Hòa hương lân* (sống hòa thuận với bà con xóm giềng); *Biệt phu phụ* (giữ tình nghĩa vợ chồng); *Giáo tử tôn* (chăm lo giáo dục con cháu) [6, 92-93].

Tiếp theo, tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa ngoài việc trì niệm danh hiệu Phật giống như đạo Bửu Sơn Kỳ Hương trong tất cả các buổi hành lễ và tại bất cứ nơi đâu (tại nhà hay tại chùa). Điều này được ông Ngô Lợi khuyên như sau: “*Niệm Phật đừng có lười thôi, Niệm cho chánh niệm mới ngồi tòa sen* [11, 98]” (*được hiểu là: khi niệm Phật phải thành tâm, không làm qua loa chiếu lệ, như thế mới đạt được hiệu quả cao, nhanh chóng đắc đạo*). Ngoài ra, khi niệm Phật hay đọc kinh chú, tín đồ phải thực hiện lần xâu chuỗi (có hai dạng dùng pháp trường – xâu chuỗi 108 hạt và pháp tay – 18 hạt [6, 95]) để định

tâm tưởng niệm. Cách thức thực hiện như thế giống với việc lần tràng hạt trong Thiên tông Phật giáo.

Quan niệm về học Phật được ông Huỳnh Phú Sổ tổng hợp từ các quan điểm của ông Đoàn Minh Huyền và ông Ngô Lợi. Theo ông Huỳnh Phú Sổ, học Phật là nhằm “*Rán vệt phá sương mù trước mắt, Chớ để cho qui đất linh hồn* [14, 237]”. Bên cạnh đó, ông đã cách tân đi rất nhiều bằng ba pháp môn chính: Ác pháp, Chân pháp và Thiện pháp. Được ông Huỳnh Phú Sổ lý giải như sau:

**Ác pháp:** là các pháp làm trở ngại cho thiện pháp, dẫn đến vấy bẩn nhân tâm, tạo nhiều tội lỗi, đưa con người đến vòng sanh tử luân hồi. Nó bao gồm: *Tam nghiệp* (thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp tạo ra mười điều ác như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lời, khoác lác, tham lam, giận dữ, si mê), *Thất tình* (vui mừng, giận dữ, buồn bã, vui vẻ, yêu thương, ghét và ham muốn hay nói cách khác là hỉ, nộ, ái, lạc, ái, ố và dục), *Lục dục* (Sắc dục, Thính dục, Hương dục, Vị dục, Xúc dục, Pháp dục, hoặc là danh vọng, tài lợi, sắc đẹp, hư vọng, tật đố), *Ngũ Uẩn* (tham, sân, si, nhân, ngã, hay còn gọi là tham lam, hư vọng, ngu si, kiêu ngạo, thói quen xấu), *Tứ Đồ Tường* (bốn thứ mê hoặc con người: tửu, sắc, tài, khí).

**Chân pháp:** là những pháp phá tan vô minh, mê hoặc, khai sáng trí tuệ cho chúng sinh giác ngộ chân lý. Nó bao gồm:

*Tứ diệu Đế:* Đây là bốn chân lý cao siêu của triết học Phật giáo đó là: Khổ đế (xem cuộc đời là một bể khổ), Tập đế hay Nhân đế (nguyên nhân của sự khổ), Diệt đế (cách thức để chấm dứt đau khổ), Đạo đế (con đường diệt khổ). Đây là cách giải thích của Phật giáo. Còn ông Huỳnh Phú Sổ đã kế thừa và cải biên lại như sau: Tập đế (khi mới gia nhập đạo), Diệt đế (là phải diệt trừ các pháp ác), Khổ đế (nhẫn nại, nhịn khổ trong tu luyện), Đạo đế (đạt được chính quả, thành đạo) [14, 8-10].

Thập nhị nhân duyên: mười hai sự dây chuyền chặt tạo nên một chuỗi sinh tử luân hồi không thoát ra được. Bao gồm: vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ hữu, sanh, lão tử.

**Thiện pháp:** là các pháp thiện lành, nếu chúng sinh tu tập theo thì sẽ lần lần loại bỏ được thân tâm trở nên thánh thiện và có thể đạt đến quả vị Phật. Thiện pháp gồm có: *Bát chánh đạo* (là tám con đường tu hành chân chính theo ba nghiệp thân, khẩu, ý. Gồm có: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tiến (chánh tinh tấn), chánh niệm, chánh định), *Bát*

*nhẫn* (tám điều nhẫn nhịn trong khi tu hành và xử thế).

Quan niệm về học Phật của các tôn giáo đã được đề cập ở trên với mục đích cuối cùng là khuyên tín đồ “làm lành lánh dữ”, giữ thân mình trong sạch, tâm trí sáng suốt, minh mẫn, ý thanh tịnh.

**Về Tu nhân:** đây là gốc, là cơ sở đạo làm người, là tiền đề giúp con người tự mình rèn luyện phẩm chất, trau dồi đạo đức, hiểu hạnh với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, phù hợp với đạo nghĩa của đất nước, đồng bào, nhân loại. Thực hiện được như thế mới có thể thành Tiên, thành Phật được. Muốn Tu nhân phải thực hiện Tứ Ân.

Phương diện tu nhân của ông Đoàn Minh Huyền là sự cải biên từ tư tưởng làm người của Nho. Sự cải biên ấy được lý giải như sau:

Trong học thuyết của Khổng Tử, ông lấy chữ “nhân” làm nền tảng tư tưởng cho triết lý đạo đức của mình. “Nhân” theo quan điểm của Khổng Tử chính là đạo làm người ở đời. Con người sống ở đời có nhiều mối quan hệ rất phức tạp và đa dạng, tuy nhiên, Khổng Tử đã khái quát nó thành hai mối quan hệ mang tính chất tương quan nhau đó là: Sống với mình và sống với người. Đối với mình, sống hết lòng, hết dạ, phải hiểu chính mình, phải trung, đối xử với những người xung quanh như đối với chính bản thân mình. Có thể khái quát lại tư tưởng triết lý căn bản của Khổng Tử được ông Đoàn Minh Huyền kế thừa đó chính là khuyên con người sống đúng đạo đức luân lý là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, dũng, trung, hiếu. Ngoài ra, ông Đoàn Minh Huyền còn cho rằng, nếu người nào thực hiện tốt chữ nhân thì người đó đã thực hiện được nghĩa.

Như vậy, tu nhân tức là sửa mình theo đạo làm người (nhân đạo), mà đạo làm người không hề xa với đạo trời, làm tròn bổn phận và trách nhiệm của mình đối với gia đình, với đất nước, với xã hội và với nhân loại... Trong sinh hoạt của các tôn giáo, có những việc có liên quan đến đạo Nho, như: Thờ cúng đất trời, xây dựng chùa chiền, các lễ tế, hôn sự, tang ma theo thể thức của Phật giáo.

Chủ trương vô vi của các tôn giáo được xem là sự kế thừa của Phật giáo và Lão giáo. Sự kế thừa ấy được thể hiện ở chỗ, sự gia nhập của tín đồ vào tôn giáo với tinh thần tự nguyện không ép buộc, việc thờ tự được đơn giản hóa đi. Các tôn giáo đều khuyên tín đồ từ bỏ tính tham lam vị kỉ để sống có đức hơn.

Quan niệm Tứ Ân được Đoàn Minh Huyền vay mượn của Phật giáo, ông đã Việt hóa lại nội dung và tên gọi để cho người dân hiểu rõ hơn. Vì trong thời kỳ này, trình độ nhận thức về Phật giáo của người dân còn thấp, hiểu sai lời dạy của Phật. Quan niệm tứ ân được ông Đoàn Minh Huyền đề cập trong Sấm truyền của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.

*Tông môn phụng sự giữ toàn Tứ Ân* [8, 88-89]  
(Có thể hiểu là: Các tín đồ trong đạo phải làm tròn tứ ân)

Tuy có sự vay mượn Phật giáo, nhưng nếu xét về bản chất thì đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo hoàn toàn khác nhau. Sự khác biệt ấy được thể hiện trước hết ở chỗ: theo Phật giáo thì không có sự phân biệt Tổ quốc, quê hương, nòi giống, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương thì hoàn toàn ngược lại, ông Đoàn Minh Huyền xem đây là nghĩa vụ, là bổn phận hàng đầu của tín đồ, là triết lý sống hàng đầu của người Việt Nam. Thứ hai, quan điểm tứ ân không phải là giáo lý cốt lõi của Phật giáo nhưng Bửu Sơn Kỳ Hương thì xem đây là căn cốt giáo lý của tôn giáo mình.

Về sau, ông Ngô Lợi và ông Huỳnh Phú Sổ đã kế thừa quan niệm tứ ân của ông Đoàn Minh Huyền. Sự kế thừa ấy, được thể hiện trong kinh sách, sấm giảng, giáo lý của từng đạo một cách khác nhau.

Đối với đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, ông Ngô Lợi đề cập quan niệm này trong kinh Siêu Thăng:

*Ngã kim qui chánh giáo, siêu ly địa ngục môn  
Thượng báo tứ trọng ân, hạ thế tam đồ khổ  
Ngược nhơn kiến vãn giá, tất phát Bồ đề tâm.* [1, 25]  
(Có thể diễn giải là: Người làm tròn Tứ Ân Hiếu Nghĩa tức là đã giúp cho vong linh của tiền nhân về nơi chánh đạo, không sa vào địa ngục.)

Bên cạnh đó, ông Ngô Lợi còn đưa ra khái niệm mới trong quan niệm tứ ân của ông Đoàn Minh Huyền đó là **Tứ đại trọng ân**: đây là bốn ân lớn: *đất, nước, gió, lửa*. Theo giáo lý Tứ Ân Hiếu Nghĩa, bốn biểu tượng này đã hình thành nên vạn vật, trong đó có con người. Cho nên tín đồ phải kính thờ để luôn tưởng nhớ đến nguồn gốc hình thành ra vạn vật trong đó có cuộc sống và đạo lý. **Đây chính là điểm khác biệt rõ nhất trong việc tu nhân của tín đồ Tứ Ân Hiếu Nghĩa với tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương.**

Việc ông Ngô Lợi khuyên tu nhân đạo, lấy tứ đại trọng ân làm tiêu chí được kế thừa và nâng cao từ tác phẩm “báo ân” trong kinh đại thừa bốn sinh Tâm địa quán của Phật giáo. Ngoài việc thực hiện tứ đại trọng ân còn phải hành xử theo tinh thần của

Nho giáo để trở thành người “quân tử”. Ông đã từng khuyên tín đồ rằng: “Sao cho văn chất lân lân, Đấng làm quân tử, Thánh nhân mới gần [6, 89-90]”

Ông Huỳnh Phú Sổ cũng vận dụng quan niệm tứ ân vào giáo lý của mình để truyền dạy cho tín đồ Phật giáo Hòa Hảo. Cụ thể, trong thi văn giáo lý, ông Huỳnh Phú Sổ đã nói:

*Một câu quân lý tứ ân,*

*Ta đừng phai lọt phong thần bằng ghi. [14, 311]*  
(Diễn giải: Xem việc thực hiện tứ ân là một yêu cầu bắt buộc đối với tín đồ, có như thế sẽ sớm được phong thành Tiên, thành Phật)

Thực hiện “Tứ ân” là việc báo ân đối với tổ tiên cha mẹ, đất nước, tam bảo và đồng bào nhân loại. Đó là những nguyên tắc căn bản của đạo làm người, là bậc thang đầu tiên để giúp con người đạt được đức hạnh.

Nội dung Tứ ân của các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo được thể hiện cụ thể như sau:

**Thứ nhất là, Ân tổ tiên cha mẹ** (cái biên từ ân phụ mẫu của Phật giáo): Ông bà xưa có câu “Cây có cội, nước có nguồn” hay “chìm có tổ - người có tông” hàm ý nhắc nhở con cháu phải nhớ về tổ tiên, cha mẹ. Vì cha mẹ là người có công lao to lớn trong việc dưỡng dục ta nên người. Công lao ấy được ví như trời biển “*Công cha nặng lắm ai ơi, Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang*”. Tổ tiên, ông bà là người có công sinh ra và nuôi dưỡng cha mẹ ta. Do đó, ta phải biết ơn tổ tiên cha mẹ.

Dựa trên các quan điểm truyền thống ấy, ông Đoàn Minh Huyền, ông Ngô Lợi và ông Huỳnh Phú Sổ đã lồng ghép vào giáo lý của tôn giáo mình để khuyên dạy người dân. Quan điểm này được ông Đoàn Minh Huyền ghi trong quyển sách truyền như sau:

*Bất hiếu phụ mẫu nghịch lời,*

*Cha sanh mẹ dưỡng là nơi ơn dày. [8, 91]*

(Có thể hiểu là: Không nghe lời cha mẹ là tội bất hiếu, công ơn dưỡng dục của cha mẹ rất lớn)

Ở một góc độ khác, ông Ngô Lợi lại khuyên tín đồ như sau:

*Giáo cùng lớn nhỏ ai ai*

*Giữ đặng chữ hiếu hoài đừng sai*

....

*Sớm khuya sẵn sóc hôm mai giữ gìn [1, 29]*

(Có thể hiểu là: Ông khuyên dạy bá tánh làm tròn chữ hiếu đối với ông bà, cha mẹ. Đây là lời khuyên dạy mà các tín đồ cần phải thực hiện. Khi ông bà,

cha mẹ còn sống thì phải một lòng chăm lo phụng dưỡng sớm khuya có như thế mới làm tròn đạo hiếu.)

Hay trong Hiếu Nghĩa kinh, quyển Hạ, ông Ngô Lợi có nói như sau:

*Thượng thị phụ khí sanh,*

*Hạ thủ mẫu huyết dưỡng.*

*Thiên địa âm dương hội,*

*Phụ mẫu khí huyết hòa.*

*Thị cổ sanh ngũ đấng,*

*Âm dương đồng thọ hưởng.*

*Thiên địa nhơn đồng đạo,*

*Phụ mẫu nghĩa tối cao.*

(Ý nghĩa của đoạn kinh này là: Cha mẹ là người có công ơn dưỡng dục ta. Công ơn cha mẹ được ví như trời đất bao la, rộng lớn. Tổ tiên, ông bà là người sinh ra cha mẹ, do đó ông cũng khuyên tín đồ phải biết ơn tổ tiên, ông bà).

Trong trường hợp của ông Huỳnh Phú Sổ, ân tổ tiên cha mẹ là ân nghĩa đầu tiên và quan trọng nhất trong tứ ân mà mỗi tín đồ Phật giáo Hòa Hảo cần phải thực hiện [4, 28]. Ông cho rằng: “*Thiên Kinh vạn điển, hiếu nghĩa vi tiên*” (Dịch nghĩa: Muốn vạn quyển kinh của Phật, Thánh Tiên đều dạy sự hiếu nghĩa làm đầu) [14, 176].

Muốn đền ơn cha mẹ, lúc cha mẹ còn sinh thời, có dạy ta điều hay lẽ phải ta chăm chỉ lắng nghe, chớ nên xao lãng làm phiền lòng cha mẹ. Nếu cha mẹ có làm điều gì sai trái, ta phải hết sức khuyên ngăn. Chẳng thế, ta còn phải lo nuôi dưỡng báo đền, lo cho cha mẹ khỏi đói rách, khỏi bệnh hoạn ốm đau, anh em phải hòa đồng, đoàn kết, tạo hạnh phúc cho gia đình. Con cháu luôn cầu chúc cho cha mẹ được hưởng điều phước thọ. Khi cha mẹ qua đời, hãy tu cầu cho linh hồn được siêu thăng nơi miền Phật cảnh, thoát đọa trầm luân.

Còn đền đáp công ơn của tổ tiên, phận làm con cháu phải làm cho vinh hiển đời mình để cho dòng dõi được thơm lây và đừng làm điều xấu ảnh hưởng đến tổ tông.

Như trên đã trình bày quan điểm ân tổ tiên, cha mẹ của các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo cho chúng ta thấy rằng, quan điểm này mang đậm chất truyền thống văn hóa của dân tộc Việt. Đây cũng được xem là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và đạo hiếu sâu sắc của nhân dân ta mà các tôn giáo đã kế thừa và vận dụng để giáo dục tín đồ.

**Thứ hai là, Ân đất nước** (tứ ân quốc vương thủy thổ của Phật giáo) – người sinh ta ra là tổ

tiên, cha mẹ. Chúng ta sống và tồn tại trên thế gian nhờ đất nước quê hương, vì đây là nơi đã cưu mang, nơi đùm bọc che chở cho thân được yên, nhà được vững.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương xuất hiện vào lúc xã hội phong kiến suy tàn, thực dân Pháp xâm lược, đời sống người dân lâm than khổ cực. Với tình hình như thế, ông Đoàn Minh Huyền đã vực dậy lòng yêu quê hương đất nước, tự hào về nòi giống, kêu gọi mọi người đứng lên chống giặc ngoại xâm để đền ơn đất nước, bảo vệ thành quả của cha ông. Do đó, ông đã đưa ý tưởng của mình vào quan điểm ân đất nước để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của dân tộc.

Ân đất nước không phải là việc riêng của nhà lãnh đạo mà là của mọi người, mọi tín đồ trên đất nước Việt Nam. Do đó, mọi người phải có bổn phận và trách nhiệm đền đáp, phải cố gắng ra sức bảo vệ thậm chí có thể hy sinh cho quê hương, đất nước. Còn như ta cảm thấy không đủ sức đảm đương việc lớn, hay chưa có cơ hội thuận tiện cho ta thực hiện, ta cũng không làm điều chi tổn hại đến quê hương hay tạo cơ hội và phương tiện cho kẻ thù chống lại quê hương xứ sở.

Về sau, quan điểm ân đất nước của ông Đoàn Minh Huyền được ông Ngô Lợi và ông Huỳnh Phú Sổ kế thừa và vận dụng vào giáo lý của tôn giáo mình. Vì vậy, khi Pháp xâm chiếm miền Nam, các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đó là đứng lên tham gia kháng chiến chống Pháp để “ân đền – nghĩa trả” đối với quê hương, xứ sở. Thực hiện được như thế, ngoài việc giúp cho đất nước cường thịnh thì ta cũng đã tự giúp cho gia đình, cho chính bản thân mình. Vì đất nước giàu có và phát triển thì gia đình mới ấm no, hạnh phúc được. Đây được xem là điểm mới, điểm khác biệt khá nổi bật so với tứ ân của Phật giáo.

Quan điểm ân đất nước của ông Đoàn Minh Huyền được ông Ngô Lợi đề cập trong Sấm giảng Ngũ Giáo của mình như sau:

*Quân vương nghĩa trọng biết bao,  
Làm tôi lo báo công lao ở đời*

*(Được hiểu là: Quê hương, đất nước có ơn nghĩa rất sâu đậm đối với mỗi người chúng ta. Đã là con người thì chúng ta phải đền đáp công lao to lớn mà quê hương, đất nước đã mang lại cho chúng ta).*

Đồng thời, ông Huỳnh Phú Sổ cũng cho rằng đất nước có được như ngày hôm nay đó chính là nhờ công lao to lớn của các bậc tiền bối đã tạo dựng lên bằng mồ hôi và nước mắt.

*Bắc Nam một giải san hà,  
Mồ hôi giọt máu ông cha tài bồi.* [14, 504]

Với trách nhiệm và bổn phận của người con đối với quê hương đất nước, ta phải ra sức bảo vệ đất nước ngày một phát triển và tốt đẹp hơn: “*Cùng chung một giọt máu đào, Phen này hiệp sức nâng cao nước nhà* [14, 507]”, phải quyết tâm bảo vệ đất nước khi bị giặc ngoại xâm, dù bỏ thân mạng cũng không phản bội tổ quốc làm tay sai cho giặc “*Thù giặc Pháp làm người phải trả, Trừ tham quân bởi quá ngang tàng.* [14, 536]”.

Khi đất nước bị giặc xâm lược thì các tín đồ phải ra sức bảo vệ, đứng lên chống giặc góp phần mang lại hòa bình, độc lập cho quê hương đất nước. Còn khi đất nước hòa bình thống nhất thì tín đồ phải trở về vị trí tu hiền để được vào cõi siêu hình giải thoát: “*Đền xong nợ nước thù nhà, Thiển môn trở gót Phật Đà nam mô*” [14, 518].

Một cách khái quát, chúng ta thấy rằng tôn giáo ra đời sau (Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo) đã kế thừa tôn giáo ra đời trước đó (Bửu Sơn Kỳ Hương). Mỗi tôn giáo nhìn nhận quan điểm này ở một góc độ khác nhau nhưng tất cả đều khuyến khích tín đồ ra sức xây dựng và bảo vệ quê hương đất nước.

**Thứ ba là, Ân Tam bảo:** Quan điểm ân Tam bảo của ông Đoàn Minh Huyền cũng giống như ân tam bảo của Phật giáo, gồm có: Phật, Pháp, Tăng. Để các tín đồ hiểu và thực hiện tốt việc Ân tam bảo, ông Đoàn Minh Huyền xem xét trên hai phương diện để dạy tín đồ

**Về phương diện chất:** Ông Đoàn Minh Huyền cho rằng con người được sinh ra, nuôi dưỡng nhờ tổ tiên cha mẹ, sống và tồn tại được là nhờ quê hương đất nước [13, 79], [12, 88].

**Về phương diện tinh thần:** Để có được sự sáng suốt, thông minh trong cuộc sống, con người phải nhờ ơn Tam bảo, tức là ân Phật bảo, ân Pháp bảo và ân Tăng bảo [12, 88]. Tại sao con người phải ân Phật bảo, ân Pháp bảo và ân Tăng bảo? Để giải thích vấn đề này, ông Đoàn Minh Huyền lý giải như sau:

Vì mục đích cứu độ chúng sanh, Phật đành bỏ quốc thành, thê tử, xuất gia tầm đạo giải thoát, chẳng quản đói rét, khổ hạnh trong sáu năm và tham thiền dưới cội cây bồ đề. Đến khi thành đạo, trong bốn mươi chín năm lao khổ, Ngài đi khắp nơi thuyết pháp độ sanh, lưu truyền chánh giáo với mong muốn cứu vớt sinh linh ra khỏi vòng trầm luân khổ ải. Chính nhờ có giáo pháp của Phật mà

chúng ta biết đường tu hành thoát ly sanh tử. Và cũng nhờ có Pháp bảo mà chúng ta nhận rõ lý về vũ trụ và phân biệt các pháp, tà, chánh [13, 88].

Sở dĩ Pháp bảo được bảo tồn và lưu truyền đến ngày nay cũng là nhờ có Tăng bảo phát triển xiển dương, diễn giảng ba Tạng giáo điển, giúp cho Phật pháp một ngày một rạng. Sau khi Đức Phật viên tịch, chính nhờ các Tăng, những bậc đại đệ tử của Ngài, do lời phúc chúc, kết tập những giáo pháp của Phật, ra công phát triển trùng tu, truyền nhau đời này qua đời nọ, đem đạo màu giáo hóa quần sanh [13, 88-89].

Do đó, để thực hiện tốt “ân tam bảo” bốn phận của tín đồ là phải noi theo chí đức của các bậc tiền nhân, sống và hành đạo đúng theo tinh thần do ông Đoàn Minh Huyền khuyên dạy, tiếp tục phát huy tinh thần đó để mở mang trí óc, chỉ đường, chỉ lối đúng đắn cho con người thoát khỏi bể khổ, gia nhập hội Long Hoa.

Trong quyển sách truyền của mình, ông Đoàn Minh Huyền đã khuyên bảo người dân như sau:

*Khá khuyên cái dữ làm lành,*

*Sùng tu Tam Bảo học hành cho thông.* [8, 95]

(*Ý nghĩa hai câu sách trên là: Ông khuyên người dân làm lành tránh dữ, tu hành, kính trọng và học theo Phật, Pháp Tăng để có được sự sáng suốt, minh mẫn.*)

Trong giáo lý của mình, ông Ngô Lợi và ông Huỳnh Phú Sổ đã kế thừa quan điểm ân tam bảo của ông Đoàn Minh Huyền. Cụ thể, trong quyển Linh Sơn Hội Thượng Kinh, ông Ngô Lợi đã thể hiện quan điểm này như sau:

*Nam mô Phật Pháp Tăng bảo thượng hương* [15, 2]

Hay

*Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng* [15, 15]

Do đó, muốn tu nhân thì các tín đồ phải đền đáp công ơn của Phật, Pháp, Tăng bằng cách noi theo gương của Phật, làm những điều Phật dạy, phổ biến tư tưởng của Đức Phật đến bá tánh, cùng nhau trừ lòng tham, tiêu trừ cái ác, hướng về cái thiện, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, sống yên vui, đoàn kết dưới bóng từ bi của Phật... [6, 89]

Trong khi đó, ông Huỳnh Phú Sổ kêu gọi tín đồ tu để hiểu rõ căn cơ, phải tôn kính và am hiểu Phật – Pháp để tránh tai nạn. Ông cho rằng:

*Tu cho rõ mới huyền thâm,*

*Qui đầu Phật Pháp khỏi lâm tai nạn.* [14, 168]

**Ân đồng bào nhân loại:** (kế thừa ân chúng sinh trong Phật giáo)

Con người lúc mới lọt lòng mẹ, phải chịu ơn rất nhiều người xung quanh mình. Khi lớn lên, đi học, đi làm, tham gia các hoạt động xã hội thì sự chịu ơn ấy cũng lớn dần theo năm tháng. Ít nhiều trong xã hội, chúng ta đều hưởng thành quả lao động của đồng bào rộng hơn nữa là nhân loại. Do đó, trong cuộc sống, chúng ta phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau vì chúng ta có cùng màu da, cùng tiếng nói, cùng tồn tại trên quê hương đất nước. Có như thế, mới gọi là đền đáp ân ấy “*ân đồng bào nhân loại*”.

Với quan điểm đó hoàn toàn phù hợp với truyền thống yêu thương con người của dân tộc Việt từ xa xưa đã để lại “bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” hay “Nhiều điều phù lấy giá gương, người chung một nước phải thương nhau cùng”... Như vậy, việc lòng ghép giá trị ấy vào giáo lý của mình, ông Đoàn Minh Huyền khuyên tín đồ phải sống chân thành với nhau, mưu cầu hòa bình – hạnh phúc, không nên phân biệt màu da, chủng tộc...

Quan điểm ân đồng bào nhân loại của ông Đoàn Minh Huyền đã được ông Ngô Lợi và ông Huỳnh Phú Sổ vận dụng vào giáo lý của mình. Sự vận dụng ấy được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau.

Trong quyển Linh Sơn Hội Thượng ông Ngô Lợi đã khuyên dạy tín đồ đề cập quan điểm này như sau:

*Nam mô Phật Pháp tăng bảo thượng hương.*

*Bửu Sơn Kỳ Hương thượng hương...* [15, 2]

Còn ông Huỳnh Phú Sổ cho rằng:

*Khấp Bắc Nam Lạc Hồng một giống,*

*Tha thứ nhau để sống cùng nhau.*

*Quý nhau từng giọt máu đào,*

*Để đem máu ấy tưới vào địch quân.* [14, 523]

(*Được hiểu là: Dân tộc Việt Nam từ Bắc chí Nam đều có chung nguồn gốc Lạc Hồng, chúng ta phải biết yêu thương lẫn nhau, phải chung tay xây dựng và bảo vệ đất nước.*)

Về căn cốt giáo lý của ba tôn giáo, hiện nay có nhiều quan điểm cho rằng thực chất không phải là “học Phật tu nhân” mà là “tu nhân học Phật”. Lý giải về vấn đề này, tác giả cho rằng, “học Phật tu nhân” mới là quan điểm thuyết phục hơn. Cụ thể, ngay sau khi thành lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Từ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo, song song với việc thuyết giáo, trị bệnh, độ đời. Các giáo chủ đều khuyên tín đồ học theo những lời Phật dạy và làm theo những điều Phật làm. Ngay tại bốn câu

sám đầu tiên trong bản phiên âm Sám truyền ông Đoàn Minh Huyền có nói đến là:

*Thừa nhâm Hồ Cừ bước sang,  
Tháng heo giáo giác kiếm đèn chạy ra.  
Nhiệm màu vui đạo Thích Ca,*

*Thiền môn hứng chí Di Đà lòng chuyên.* [8, 81]

Đối với Phật giáo Hòa Hảo, ông Huỳnh Phú Sổ đã khẳng định: “toàn thể trong đạo chúng ta thuộc hạng tại gia cư sĩ, học Phật tu nhân vậy”. [14, 176]

Như vậy, có thể kết luận rằng, căn cốt giáo lý của ba tôn giáo là “học Phật tu nhân” nhằm khuyên mọi người chí thú làm ăn và lo tu hành chơn chất, đồng thời phải xông xáo dần thân và tương trợ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

“Học Phật tu nhân” được xem là giáo lý căn bản do ông Đoàn Minh Huyền “khai phá” trên nền tảng văn hóa dân tộc và kế thừa từ Phật giáo đã góp phần tạo nên sức sống bền bỉ, lâu dài của các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo trong thời kỳ đó và tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Nhìn chung, các tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo đều khuyến tín đồ thực hiện tốt việc ân đồng bào nhân loại. Để đền đáp ơn nghĩa ấy, các tôn giáo đều khuyến tín đồ phải biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

Qua nghiên cứu tư tưởng giáo lý của các tôn giáo đã đề cập ở trên, tác giả thấy rằng, học Phật và Tu nhân là giáo lý căn bản có mối quan hệ biện chứng với nhau. Với quan niệm rằng tu nhân là **Công**, học Phật là làm nên **Đức**, có công đức mới trở thành bậc hiền nhân chí sĩ được. Mục đích của tu nhân là tạo dựng một cuộc sống mới có mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, giữa những thành viên trong gia đình với nhau, giữa cá nhân và xã hội... Còn học Phật giúp cho tinh thần minh mẫn, sáng suốt để thực hiện tu nhân và đạt đến mục đích cuối cùng là giải thoát. Ngoài ra, các tôn giáo ra đời sau có sự hấp thụ một cách chủ động, tích cực theo hướng chọn lọc những giá trị tốt đẹp của tôn giáo xuất hiện trước. Đồng thời, các giáo lý ra đời sau đã luôn có sự linh hoạt, biến đổi để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của xã hội lúc bấy giờ.

### 3 Ý NGHĨA CỦA MỐI QUAN HỆ TRONG TƯ TƯỞNG GIÁO LÝ CỦA CÁC TÔN GIÁO TỪ BỬU SON KỲ HƯƠNG, TỨ AN HIẾU NGHĨA ĐẾN PHẬT GIÁO HÒA HẢO Ở AN GIANG

Nhìn lại lịch sử quá trình hình thành và phát triển từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa

đến Phật giáo Hòa Hảo vào giữa thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và con người trong khoảng thời gian đó, rõ ràng việc ra đời ba tôn giáo này đã thể hiện niềm tự hào khát khao thể hiện vị trí, vai trò và sự ảnh hưởng của chúng ở một vùng đất mới – vùng đất của những người lưu dân vào Nam bộ.

**Ba tôn giáo đều thể hiện rõ chức năng tôn giáo**, đại diện cho một tổ chức xã hội nhằm tập hợp quần chúng để mưu cầu những mục tiêu thể tục. Việc ra đời ba tôn giáo này là kết quả tất yếu trong dòng chảy lịch sử của người Việt Nam, đặc biệt là người dân tỉnh An Giang. Cũng cần phải nói thêm rằng, sự hình thành, phát triển và tồn tại của ba tôn giáo cho đến ngày hôm nay không thể tách rời khỏi các điều kiện tự nhiên, xã hội và lịch sử của vùng đất Nam Bộ.

**Mục đích cuối cùng của ba tôn giáo là giải phóng con người**, giúp con người có được nhiều đức hạnh, có cuộc sống tươi vui, hạnh phúc. Cho dù trong giai đoạn nào, hình thành, xây dựng hay phát triển thì Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo vẫn lấy tôn chỉ là “Học Phật – Tu Nhân”, đề cao Tứ Ân trong đó Ân Tổ tiên, Cha mẹ, Ân đất nước, Ân tam bảo và Ân đồng bào nhân loại được lấy làm đầu.

**Các tôn giáo đã tạo dựng đức tin đối với tín đồ**: Trong quá trình hình thành và phát triển, các tôn giáo đã có sự sáng tạo về nhiều mặt như: nội dung, giáo lý, tôn chỉ, cách thức hành đạo, cơ cấu tổ chức, cơ sở thờ tự... Qua đó thu hút được nhiều tín đồ tham gia, gây dựng lòng tin nơi tín đồ về một ngày đất nước được độc lập, một ngày người dân được hưởng an lành hạnh phúc (tin vào hội Long Hoa).

**Tạo dựng mối quan hệ khăng khít giữa các tín đồ dù cho khác biệt tôn giáo**: Cho đến nay, đã trải qua hơn hai thế kỷ nhưng các tôn giáo vẫn còn đó một số lượng lớn tín đồ theo đạo, họ vẫn đang sống, làm việc với đức tin cao cả: “*Đức tin này cũng là mối dây liên kết giữa họ với nhau, tạo sự chan hòa giữa những người tin hữu. Đồng thời, nó cũng tạo ra một sắc thái về lối sống ở các gia đình và làng xã Hòa Hảo, khuyến khích cản cù lao động, sinh hoạt giản dị, gia đình hòa thuận, thanh bạch trong ăn ở, thành thực trong cư xử, thương kẻ khó, giúp người nghèo* [9, 130]”.

Với mối quan hệ gắn bó giữa các tôn giáo như trên đã phân tích, tín đồ giữa các đạo xem nhau như anh em, gây dựng mối quan hệ thân thiết với nhau, tương thân tương ái giúp đỡ nhau trong cuộc



sống đúng như giáo lý mà các “giáo chủ” đề ra – AN ĐỒNG BÀO, NHÂN LOẠI. Như thế đủ để chúng tỏ rằng, giáo lý, tôn chỉ hành đạo của ba tôn giáo này có ảnh hưởng rất lớn đối với tín đồ theo đạo, nó đã tạo nên sức sống mãnh liệt trong đời sống nhân dân Nam Bộ nói chung và người dân An Giang nói riêng.

**Sự sáng tạo của các tôn giáo không ngoài mục đích để được dễ dàng tiếp nhận bởi quần chúng:** Về tên gọi, giáo lý, tôn chỉ hành đạo của ba tôn giáo có sự khác biệt, nhưng đều được hình thành và phát triển trên truyền thống hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ, lòng yêu quê hương đất nước. Bên cạnh sự kế thừa ấy còn có sự sáng tạo, nhằm thích nghi với những biến chuyển của xã hội, đáp ứng yêu cầu của lịch sử Nam Bộ lúc bấy giờ như: khai hoang lập trại ruộng, kêu gọi tín đồ đứng lên chống thực dân Pháp, ...

Ba tôn giáo này đều thể hiện vai trò nhất định trong việc giải quyết các vấn đề trong đời sống tâm linh và đời sống tinh thần của bộ phận nông dân, tạo nên những giá trị mới trong các hoạt động tôn giáo, giúp các tín đồ có cuộc sống chan hòa, nhân ái, sống đúng với phương châm của Đảng và Nhà nước đưa ra là “Tốt Đời đẹp Đạo”.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Tân Dân (1971), Hệ phái Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tủ sách sưu khảo sử liệu Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương, Sài Gòn.
2. Đặng Thế Đại (2008), “*Tinh đặc sắc Nam Bộ và truyền thống văn hóa Việt Nam qua một dòng tôn giáo*”, Nghiên cứu tôn giáo, Số 58 – 2008.
3. Hồng Điệp (2010), “*Truyền thống yêu nước của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa*”, nguồn [http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/245/0/1239/Truyen\\_thong\\_yeu\\_nuoc\\_cua\\_tin\\_do\\_dao\\_Tu\\_An\\_Hieu\\_Nghia](http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/245/0/1239/Truyen_thong_yeu_nuoc_cua_tin_do_dao_Tu_An_Hieu_Nghia).
4. TS. Bùi Thị Thu Hà (2012), Phật giáo Hòa Hảo tri thức cơ bản, Nxb. Từ điển Bách Khoa.
5. Mai Thanh Hải (2008), “*Các “Đạo” của nông dân châu thổ Sông Cửu Long từ Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa đến Đạo Lành và Đạo Ông Nhà Lớn*”, Nghiên cứu Tôn giáo, Số 2 - 2008.

6. TS. Đinh Văn Hạnh (1999), Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của người Việt Nam bộ (1867 – 1975), Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
7. TS. Đinh Văn Hạnh, “*Đặc trưng văn hóa và ý nghĩa biểu trưng tôn giáo của Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa*”, nguồn <http://www.vanchuongviet.org>.
8. Nguyễn Văn Hậu (1973), Sám truyền Đức Phật Thầy Tây An, xuất bản tại Ban quản trị Tông Sơn cổ tự.
9. TS. Phạm Bích Hợp (2007), Người Nam Bộ và Tôn giáo bản địa (Bửu Sơn Kỳ Hương – Cao Đài – Hòa Hảo), Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội.
10. Vương Kim (1960), Đời Hạ Ngươn, Nxb. Long Hoa, Sài Gòn.
11. Vương Kim (1966), Bửu Sơn Kỳ Hương, Nxb. Long hoa, Sài Gòn.
12. Vương Kim và Đào Hưng (1953), Đức Phật thầy Tây An, Nxb. Long Hoa, Sài Gòn.
13. Dật Sĩ và Nguyễn Văn Hậu (1972), Thất Sơn Mẫu Nhiệm, Nxb. Từ Tâm.
14. Huỳnh Phú Sổ (1966), Sám giảng thi văn giáo lý, Ban Phổ thông giáo lý Trung ương Phật giáo Hoà Hảo.
15. Đức Bồn Sư (1967), Linh sơn hội thượng kinh, Hiếu Nghĩa Kinh (quyển Thượng, Trung và Hạ), Nhà in Phật Đường Tự, Chợ Lớn.
16. Nguyễn Phước Tài (2012), “*Những điểm tương đồng và khác biệt của hai tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương và Tứ Ân Hiếu Nghĩa ở An Giang*”, Tạp chí giáo dục, số đặc biệt, 12/2012.
17. TS. Phan Lạc Tuyên (2000), “*Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương (BSKH), một vài suy nghĩ*”, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Lấp Vò.
18. <http://btgcp.gov.vn>: Website Ban Tôn Giáo Chính Phủ.
19. [http://vi.wikipedia.org/wiki/Đạo\\_Tứ\\_Ân\\_Hiếu\\_Nghĩa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Đạo_Tứ_Ân_Hiếu_Nghĩa).
20. [http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/162/0/1071/DAO\\_PHAT\\_GIAO\\_HOA\\_HAO\\_HOAT\\_DONG\\_VA\\_PHAT\\_TRIEN](http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/162/0/1071/DAO_PHAT_GIAO_HOA_HAO_HOAT_DONG_VA_PHAT_TRIEN).